

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

1. Bổ sung điểm e khoản 3 Điều 7 như sau:

“e) Người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng, quý đó không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nhận thu nhập.”

2. Bổ sung điểm k khoản 5 Điều 7 như sau:

“k) Tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) có phát sinh bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn như sau:

k.1) Đối với hàng hóa, dịch vụ được bán thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn thì tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm đại diện cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) để khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân.

k.2) Đối với hàng hóa, dịch vụ được bán không thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn thì tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử

tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.”

3. Điểm b khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyên nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài; thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này). Người nộp thuế phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyên nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được. Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp khi bàn giao bất động sản đối với từng phân hoặc toàn bộ dự án”.

4. Điểm c khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

Người nộp thuế phải tự xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tạm nộp quý chậm nhất vào ngày 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ nộp và được trừ số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán năm.

Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 04 đến ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Đối với số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp tăng thêm khi thực hiện khai bổ sung do điều chỉnh kết quả xếp loại doanh nghiệp theo công bố của chủ sở hữu từ thời điểm ngày tiếp sau ngày cuối cùng của hạn nộp lợi nhuận sau thuế còn lại theo quyết toán năm đến thời hạn công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp của chủ sở hữu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền thì doanh nghiệp không phải nộp tiền chậm nộp.

Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức, lợi nhuận khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp đồng thời đề nghị, đôn đốc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của công ty mẹ về công ty mẹ.”

5. Điểm g khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“g) Thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp quý và khai quyết toán năm. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.”

6. Điểm b khoản 4 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa:

Doanh nghiệp có hoạt động khai thác và tiêu thụ than nội địa thông qua hình thức quản lý và giao cho các công ty con hoặc đơn vị phụ thuộc khai thác, chế biến và tiêu thụ thì đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than thực hiện khai thuế cho toàn bộ số thuế bảo vệ môi trường phát sinh đối với than khai thác thuộc diện chịu thuế và nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp kèm theo Bảng xác định số thuế phải nộp cho từng địa phương nơi có công ty khai thác than đóng trụ sở theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

7. Bổ sung khoản 8 Điều 27 như sau:

“8. Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử bao

gồm: tên người bán hàng, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc; doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn (nếu chủ sở hữu sàn không thực hiện khai thay, nộp thay thuế cho người bán). Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hằng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau. Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có thể cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử theo quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế hoặc kết nối trực tiếp với cơ quan thuế nếu đáp ứng được các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật theo định dạng chuẩn dữ liệu do Tổng cục Thuế xây dựng và công bố.”

8. Bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau:

“3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.”

9. Bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

“4. Quy định tại điểm d.1 khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 trở về trước và chưa được các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký, công ty quản lý quỹ nơi cá nhân uỷ thác danh mục đầu tư khai thuế thay, nộp thuế thay thì cá nhân thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế Thu nhập cá nhân và không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế, không bị tính tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế từ ngày 05 tháng 12 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.”

10. Ban hành kèm theo Nghị định này Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC thay thế Mẫu số 04-1/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

Ban hành kèm theo Nghị định này Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót theo Mẫu số 01/TB-HĐSS thay thế Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa

đơn, chúng từ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai và xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;
Căn cứ Điều 34 Nghị định số ...ngày ...tháng...năm.... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-CT/CCT ngày của Cục Thuế/Chi cục Thuế..... về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn;

...(Tên cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế)... thông báo ngừng sử dụng hóa đơn đối với(Tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

Lý do thông báo ngừng sử dụng hóa đơn: ...

Căn cứ dữ liệu theo dõi tại cơ quan thuế hoặc dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có), số hóa đơn tồn đến ngày ban hành quyết định cưỡng chế gồm:

STT	Loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu	Ký hiệu Hóa đơn	Từ số	Đến số	Ghi chú

Nếu sử dụng số hóa đơn nêu trên kể từ ngày quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành (ngày ... tháng.... năm....) thì được coi là sử dụng hóa đơn không hợp pháp./.

Nơi nhận:

- ... (Tên người nộp thuế)... (để thực hiện);
- Cơ quan hải quan (nếu có);
- Phòng/Đội (để thực hiện);
- Trang thông tin điện tử Tổng cục Thuế;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế;
-
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Trường hợp không có dữ liệu về hóa đơn thì tại thông báo ngừng sử dụng hóa đơn chỉ cần ghi các nội dung: Căn cứ ra thông báo; tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế; lý do ngừng sử dụng hóa đơn.

Mẫu số: 01/TB-HĐSS

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số: .../TB-.....

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:.....)
(Mã số thuế của NNT:.....)

Sau khi xem xét Thông báo hóa đơn điện tử có sai sót ngày/...../..... của:

Người nộp thuế.....

Mã số thuế:

Cơ quan thuế thông báo (tiếp nhận/không tiếp nhận) hóa đơn điện tử đã lập có sai sót.

(Trong trường hợp tiếp nhận việc hủy/điều chỉnh/thay thế giải trình hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì ghi: Cơ quan Thuế đã tiếp nhận Thông báo hóa đơn điện tử có sai sót ngày/...../..... của quý công ty).

(Trong trường hợp không tiếp nhận việc hủy/điều chỉnh/thay thế giải trình hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì ghi: Đề nghị quý công ty kiểm tra, đối chiếu hóa đơn điện tử đã lập có sai sót do thông tin chưa chính xác).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

CƠ QUAN THUẾ hoặc THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP do NNT gửi đến theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì "Chữ ký số" là chữ ký số của cơ quan thuế.

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP do NNT gửi đến theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì "Chữ ký số" là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.